

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 1194/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 11 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án
Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số,
địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/5/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030;

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2022/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 6082/BTTTT-CĐSQG ngày 18/12/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc góp ý kiến đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Kết luận số 403-KL/TU ngày 12/7/2022 của Thường trực Tỉnh ủy Phiên họp thứ 42/2022;

Thực hiện Kết luận số 1259-TB/TU ngày 15/5/2023 của Thường trực Tỉnh ủy - Phiên họp lần thứ 16/2023;

Thực hiện Kết luận số 1693-TB/TU ngày 26/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phiên họp thứ 15/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước, phiên bản 2.0;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển địa phương thông minh tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án xây dựng địa phương thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh về thành lập Hội đồng thẩm định dự án Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu



phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025;

Theo Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Theo Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai mô hình hợp tác xã thí điểm chuyển đổi số toàn diện;

Theo Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai, thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh về phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022;

Theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh năm 2023;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1793/BC-SKHĐT ngày 20/7/2023; Báo cáo số 356/BC-HĐTĐ ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định dự án Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025; kèm theo Tờ trình số 63/TTr-STTTT ngày 14/7/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025.
2. Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông.
3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH MTV Xây dựng thương mại Hoàng Hưng.
4. Mục tiêu đầu tư:

Thực hiện triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, xây dựng và duy trì hoạt động trung tâm điều hành thông minh cấp huyện, đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin để tăng cường khả năng kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, chuyển đổi số từng lĩnh vực tiến tới chuyển đổi số tổng thể và toàn diện.

Xây dựng chính quyền điện tử với nền hành chính hiện đại, bảo đảm chất lượng, hiệu lực, hiệu quả và tính minh bạch, an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, nâng cao vị trí xếp hạng DTI của tỉnh, sớm trở thành

một trong những tỉnh trong khu vực đi đầu cả nước về chuyển đổi số với ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

5. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu (*gọi tắt hạng mục 1*).
- Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng IoT phục vụ chuyển đổi số cho chính quyền (*gọi tắt hạng mục 2*).
- Xây dựng và duy trì hoạt động Trung tâm điều hành thông minh cấp huyện (*gọi tắt hạng mục 3*).
- Triển khai thí điểm các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số, từ đó phát triển nhân rộng trong địa bàn tỉnh Bình Phước (*gọi tắt hạng mục 4*).
- Xây dựng, mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, dịch vụ dùng chung toàn tỉnh (LGSP) (*gọi tắt hạng mục 5*).
- Nâng cấp, mở rộng nền tảng hạ tầng địa lý (GIS) phục vụ quản lý hoạt động chuyên ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương (*gọi tắt hạng mục 6*).
- Nâng cấp, phát triển Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của toàn tỉnh (*gọi tắt hạng mục 7*).
- Nâng cấp, bổ sung các điểm cầu Hội nghị trực tuyến (*gọi tắt hạng mục 8*).
- Đầu tư mở rộng Cổng Dịch vụ công, một cửa điện tử tỉnh Bình Phước kết nối, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*gọi tắt hạng mục 9*).
- Đầu tư hệ thống OneGov - Môi trường làm việc cộng tác của tỉnh Bình Phước (*gọi tắt hạng mục 10*).
- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động chính quyền, hướng tới chuyển đổi số (*gọi tắt hạng mục 11*).

(Nội dung quy mô đầu tư chi tiết theo Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án)

6. Địa điểm thực hiện dự án: Dự án đầu tư tại các địa điểm trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

- Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh: Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh (chỉ kết nối); Ban Quản lý Khu kinh tế; các Sở: Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại vụ; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Thanh tra tỉnh; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; Ban Dân tộc; Hội Liên hiệp Phụ nữ.



- 05 Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Sản xuất - Xây dựng - Thương mại và Nông nghiệp Hải Vương; Công ty Cổ phần Becamex - Bình Phước; Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước; Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé; Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Bình Phước.

- 20 đơn vị cấp xã: Phường Tân Bình và phường Tân Phú (thành phố Đồng Xoài); phường Long Thủy, phường Long Phước và xã Phước Bình, xã Phước Tín (thị xã Phước Long); xã Lộc Thiện, xã Lộc Thái, xã Lộc Hưng và xã Lộc Thịnh (huyện Lộc Ninh); phường Phú Đức, phường Phú Thịnh, phường An Lộc, phường Hưng Chiến và xã Thanh Lương (thị xã Bình Long); phường Hưng Long, phường Minh Hưng, phường Minh Lập, phường Minh Thành và xã Nha Bích (thị xã Chơn Thành).

- UBND các huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh.

7. Dự án nhóm: Nhóm B.

8. Số bước thiết kế: Hai bước (thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết - dự toán).

9. Tổng mức đầu tư của dự án: 446.000.000.000 đồng

(Bốn trăm bốn mươi sáu tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí thiết bị:	393.636.791.712	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	4.410.517.731	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	9.369.502.319	đồng
- Chi phí khác:	2.802.186.336	đồng
- Chi phí dự phòng:	35.781.001.902	đồng

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

11. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2025.

13. Giải pháp tổ chức thực hiện:

13.1. Sở Thông tin và Truyền thông (chủ đầu tư):

- Chịu trách nhiệm toàn diện, tính chính xác về các thông tin, số liệu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đồng thời tiếp thu đầy đủ ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1793/BC-SKHĐT ngày 20/7/2023, đảm bảo tính khả thi của dự án.

- Chịu trách nhiệm các nội dung liên quan đến việc đề xuất danh mục mua sắm thiết bị dự án, sự phù hợp với chủ trương đầu tư, về việc phân tích xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án, phân tích lựa chọn quy mô, công nghệ, tiêu chuẩn định mức hiện hành, quy hoạch ngành, phân kỳ thực hiện, đảm bảo nhân lực, con người đủ điều kiện vận hành, sử dụng, khai thác tối đa thiết bị; phù hợp với Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh về chuyển đổi số đến năm

2025 trên địa bàn tỉnh; tránh trùng lặp mua sắm thiết bị với các dự án khác của các ngành, địa phương sử dụng vốn đầu tư công và nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách nhà nước.

- Triển khai lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán của dự án theo đúng quy định pháp luật. Trong đó các chi phí: chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư; chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá đảm bảo xác định phù hợp với quy định, tránh trường hợp lập không sát, sai sót dẫn đến điều chỉnh, bổ sung. Đối với chi phí mua sắm thiết bị phải rà soát, lựa chọn thiết bị đầu tư phù hợp với quy định của ngành, giá trang thiết bị áp dụng phương pháp xây dựng dự toán chi tiết phải đảm bảo phù hợp thực tế và sát giá trên thị trường theo quy định về quản lý giá.

- Chịu trách nhiệm về lựa chọn, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn tại Quyết định số 98/QĐ-STTTT ngày 07/10/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập các Tổ chuyên gia điều hành dự án là lãnh đạo các đơn vị thụ hưởng tương ứng với 11 hạng mục đầu tư dự án, để đôn đốc, đề xuất xử lý khó khăn, vướng mắc kịp thời trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án.

- Tổ chức triển khai dự án theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo triển khai đồng bộ, chất lượng, hiện đại, chính xác; tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo nguyên tắc, nội dung đúng quy định, thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm toàn diện trong việc lựa chọn nhà thầu đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, chặt chẽ; sử dụng vốn đúng với nguyên tắc, tiêu chí không để xảy ra thất thoát ngân sách nhà nước, chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về quá trình tổ chức, triển khai, thực hiện dự án đầu tư.

- Theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình đầu tư dự án theo nội dung và các chỉ tiêu đã được phê duyệt nhằm đảm bảo mục tiêu và hiệu quả đầu tư; tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật gửi cấp có thẩm quyền, cơ quan chủ quản và cơ quan đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư.

13.2. Các Sở, ngành: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp, theo dõi, giám sát, hướng dẫn thực hiện các bước tiếp theo để triển khai dự án đến khi hoàn thành theo đúng quy định pháp luật.

13.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tham mưu bố trí vốn đảm bảo tiến độ thực hiện dự án theo quy định hiện hành về đầu tư công và báo cáo UBND tỉnh tình hình giải ngân dự án theo quy định.

Điều 2. Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.



Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, Phòng: TH, KGVX;
- Lưu: VT. 48Bình

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Tuyết Minh